

Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2014 và dự báo tăng trưởng năm 2015

PGS. TS. ĐÀO DUY HUÂN

Bài viết này cũng có nhận định chung giống với nhiều đánh giá khác rằng, nền kinh tế VN năm 2014, bắt đầu có sự thay đổi căn bản về tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế. Điều này được minh chứng qua báo cáo của Tổng cục Thống kê, về tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 48,4 tỷ USD. Về sử dụng GDP năm 2014, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,20% so với năm 2013, đóng góp 4,72 điểm phần trăm vào mức tăng chung, đồng thời tích lũy tài sản tăng 8,90%, đóng góp 2,90 điểm phần trăm. Bài viết cũng cho rằng, Triển vọng nền kinh tế nước ta trong năm 2015 sẽ có nhiều dấu hiệu tăng trưởng khoảng 6,2%, khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cao hơn, sau khi TPP được ký kết, xuất khẩu sẽ tăng trưởng nhanh hơn, thị trường nội địa sức mua sẽ tăng lên, doanh nghiệp sẽ phát triển tốt hơn..

Từ khóa: Kinh tế VN, thế giới

1. Tổng quát những kết quả tích cực đạt được của kinh tế VN năm 2014

Một, về tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP). Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, cao hơn mức 2,64% của năm 2013, đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công

nh nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành lâm nghiệp có mức tăng cao nhất với 6,85%, nhưng do chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,05 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành nông nghiệp mặc dù tăng thấp ở mức 2,60% nhưng quy mô trong khu vực lớn nhất (Khoảng 74%) nên đóng góp 0,35 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 6,53%, đóng góp 0,21 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,15% so với năm trước,

trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo có chuyển biến khá tích cực với mức tăng cao là 8,45%, cao hơn nhiều so với mức tăng của một số năm trước (Năm 2012 tăng 5,80%; năm 2013 tăng 7,44%), đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng của khu vực II và góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung. Trong ngành chế biến, chế tạo, các ngành sản xuất đồ uống; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (Trừ máy móc thiết bị); sản phẩm điện tử máy tính; sản xuất xe có động cơ là những ngành có đóng góp lớn vào tăng trưởng với chỉ số sản xuất tăng khá cao ở mức trên 10%. Ngành khai khoáng tăng 2,40%, có đóng góp

của dầu thô và khí đốt tự nhiên. Ngành xây dựng đã có dấu hiệu phục hồi với mức tăng 7,07%, tăng cao so với mức 5,87% của năm 2013, chủ yếu do đóng góp của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với giá trị sản xuất xây dựng khu vực này tăng mạnh ở mức 58%.

Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt mức tăng 6,62% so với năm 2013, đóng góp 0,91 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,88%; hoạt động kinh doanh bất động sản được cải thiện hơn với mức tăng 2,85%, cao hơn mức tăng 2,17% của năm trước với nhiều tín hiệu tốt trong hỗ trợ thị trường bất động sản nói chung và phân khúc nhà chung cư giá trung bình và giá rẻ nói riêng, trong đó giá trị tăng thêm của khấu hao nhà ở dân cư tăng 2,93%.

Cơ cấu nền kinh tế năm nay tiếp tục theo hướng tích cực. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (Cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31%; 43,31%).

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2014, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,20% so với năm 2013, đóng góp 4,72 điểm phần trăm vào mức tăng chung (Tiêu dùng cuối cùng của dân cư tăng 6,12%, cao hơn mức tăng 5,18% của năm trước); tích lũy tài sản tăng 8,90%, đóng góp 2,90 điểm phần trăm.

Hai, sự phát triển của khu vực công nghiệp: Tính chung cả năm 2014, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,6% so với năm 2013 với xu hướng tăng nhanh vào các tháng cuối năm (Quý I tăng 5,3%, quý II tăng 6,9%, quý III tăng 7,8%, quý IV ước tính tăng 10,1%), cao hơn nhiều mức tăng 5,9% của năm 2013. Trong mức tăng chung cả năm của toàn ngành công nghiệp, ngành khai khoáng tăng 2,5%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành chế biến, chế tạo tăng 8,7%, cao hơn mức tăng 7,3% của năm 2013, đóng góp 6,2 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 12,1%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng 6,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Xét theo công dụng của sản phẩm công nghiệp, chỉ số sản xuất của sản phẩm dùng cho quá trình sản xuất tiếp theo năm nay tăng 7,8% so với năm trước; sản phẩm cho tích lũy và tiêu dùng cuối cùng tăng 7,4%. Đối với sản phẩm là tư liệu sản xuất tăng 9,6% (Công cụ sản xuất tăng cao ở mức 22,9%; nguyên vật liệu xây dựng tăng 7%); sản phẩm tiêu dùng của dân cư tăng 6,5%.

Trong các ngành sản xuất, một số ngành có chỉ số sản xuất năm 2014 tăng cao so với năm 2013: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 37,5%; sản xuất xe có động cơ tăng 22,8%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 21,2%; dệt tăng 20,8%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 15,8%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 13,7%; sản xuất và phân phối điện tăng 12,1%; sản xuất trang phục tăng 11,8%. Một

số ngành có mức tăng khá: Sản xuất đồ uống tăng 10,0%; sản xuất kim loại tăng 9,8%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 8,5%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 7,4%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 5,1%; sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất tăng 4,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 3,4%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 2,4%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên tăng 2,3%; sản xuất thiết bị điện tăng 1,6%; khai thác than cứng và than non tăng 1%; sản xuất thuốc lá tiếp tục giảm ở mức 12,5%.

Trong các sản phẩm công nghiệp, một số sản phẩm đạt mức tăng cao trong năm 2014: Điện thoại di động tăng 67,5% so với năm 2013; ô tô tăng 29%; sữa tươi tăng 20,9%; giày, dép da tăng 19%; tivi tăng 18%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 16,9%. Một số sản phẩm tăng khá: Điện sản xuất tăng 12,7%; thủy hải sản chế biến tăng 9,4%; quần áo mặc thường tăng 9,1%. Một số sản phẩm giảm so với năm 2013: Sữa bột giảm 3,8%; khí hóa lỏng (LPG) giảm 8,3%; xe máy giảm 8,6%; thuốc lá điều giảm 12,5%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2014 so với năm 2013 của một số địa phương có quy mô sản xuất công nghiệp lớn như sau: Hải Phòng tăng 12,3%; Long An tăng 12,2%; Đà Nẵng tăng 10,9%; Hải Dương tăng 10,3%; Bình Dương tăng 8,8%; Đồng Nai tăng 8%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 7%; Quảng Nam tăng 5,1%; Quảng Ninh tăng 4,6%; Hà Nội tăng 4,6%; Bà Rịa-Vũng Tàu tăng 3,6%; Vĩnh Phúc giảm

2,6%; Bắc Ninh giảm 12,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Mười Một năm nay tăng 3% so với tháng trước và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, chỉ số tiêu thụ ngành này tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2013, cao hơn mức tăng 3,6% của cùng kỳ năm 2012 và mức tăng 9,2% của cùng kỳ năm 2013. Các ngành có chỉ số tiêu thụ 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm 2013: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 45,1%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 23,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 16,2%; sản xuất xe có động cơ tăng 16%; sản xuất thiết bị điện tăng 12%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 9,4%; sản xuất trang phục tăng 8,8%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 8%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 7,6%; dệt tăng 7,1%; sản xuất đồ uống tăng 6,3%; sản xuất kim loại tăng 5,7%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 5,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 4,9%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 9,6%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/12/2014 tăng 4,4% so với tháng trước; tăng 10% so với cùng thời điểm năm 2013 (Cùng thời điểm năm 2012 là 20,1% và năm 2013 là 10,2%). Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm hoặc tăng thấp hơn mức tăng chung: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 45,1%; sản xuất

sản phẩm thuốc lá giảm 35,5%; sản xuất giường tủ, bàn ghế giảm 19,2%; sản xuất thiết bị điện giảm 12,2%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 11,2%; sản xuất da và sản phẩm có liên quan giảm 6,6%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 1,3%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao hơn nhiều so với mức tăng chung: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 89,5%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 40,1%; sản xuất kim loại tăng 38,3%; sản xuất trang phục tăng 27,9%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 21,9%.

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/12/2014 tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,7%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 2,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 9,5%. Tại thời điểm trên, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp khai khoáng giảm 4,5% so với cùng thời điểm năm 2013; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,7%; sản xuất, phân phối điện tăng 1,6%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 2%.

Ba: Sự tăng trưởng giá trị của khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2014 theo giá so sánh 2010 ước tính đạt 830 nghìn tỷ đồng, tăng 3,9% so với năm 2013, bao gồm: Nông nghiệp đạt 617,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2,9%; lâm nghiệp đạt 23,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1%; thủy sản đạt 188,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8%. Trong đó Sản lượng lúa cả năm 2014 ước

tính đạt gần 45 triệu tấn, tăng 955,2 nghìn tấn so với năm trước, trong đó diện tích gieo trồng ước tính đạt 7,8 triệu ha, giảm 88,8 nghìn ha; năng suất đạt 57,6 tạ/ha, tăng 1,9 tạ/ha. Nếu tính thêm 5,2 triệu tấn ngô thì tổng sản lượng lương thực có hạt năm nay ước tính đạt 50,2 triệu tấn, tăng 956 nghìn tấn so với năm 2013.

Cây công nghiệp lâu năm tiếp tục phát triển theo hướng thay đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện canh tác của từng vùng để mang lại hiệu quả kinh tế cao, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Diện tích cho sản phẩm và sản lượng một số cây chủ yếu tăng so với năm 2013, trong đó diện tích chè ước tính đạt 132,1 nghìn ha, tăng 1,8%, sản lượng đạt 962,5 nghìn tấn, tăng 2,8%; cà phê diện tích đạt 641,7 nghìn ha, tăng 0,7%, sản lượng đạt 1395,6 nghìn tấn, tăng 1%; cao su diện tích đạt 977,7 nghìn ha, tăng 2%, sản lượng đạt 953,7 nghìn tấn, tăng 0,7%; hồ tiêu diện tích đạt 83,8 nghìn ha, tăng 21,4%, sản lượng đạt 147,4 nghìn tấn, tăng 13%.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm những tháng cuối năm có nhiều thuận lợi và phát triển tốt do giá bán sản phẩm chăn nuôi luôn ở mức cao và ổn định, dịch bệnh được khống chế trong nhiều tháng qua. Đàn trâu cả nước năm nay có 2,5 triệu con, giảm 1,9% so với năm 2013 do điều kiện bãi chăn thả bị thu hẹp; đàn bò có 5,2 triệu con, tăng 1,5%, riêng chăn nuôi bò sữa tiếp tục tăng nhanh, tổng đàn bò sữa năm 2014 của cả nước là 227,6 nghìn con, tăng 22,1% so với năm 2013; đàn lợn có 26,8 triệu con, tăng 1,9%; đàn gia cầm có 327,7 triệu con, tăng



3,2% (Đàn gà 246 triệu con, tăng 4,9%). Sản lượng thịt hơi các loại năm nay ước tính đạt khá, trong đó sản lượng thịt trâu đạt 86,9 nghìn tấn, tăng 1,6%; sản lượng thịt bò đạt 292,9 nghìn tấn, tăng 2,6%; sản lượng thịt lợn đạt 3,4 triệu tấn, tăng 3,1%; sản lượng thịt gia cầm đạt 875 nghìn tấn, tăng 5,3%.

Về Lâm nghiệp, diện tích rừng trồng tập trung năm 2014 ước tính đạt 226,1 nghìn ha, tăng 6,1% so với năm 2013, trong đó một số địa phương có diện tích rừng trồng mới tập trung nhiều: Nghệ An 16 nghìn ha; Quảng Nam 14,4 nghìn ha; Quảng Ngãi 14,2 nghìn ha; Tuyên Quang 13,8 nghìn ha; Quảng Ninh 13,3 nghìn ha; Yên Bái 12,3 nghìn ha. Số cây lâm nghiệp trồng phân tán cả năm đạt 155,3 triệu cây, bằng 98,7% năm trước. Sản lượng gỗ khai thác đạt 6456 nghìn m³, tăng khá ở mức 9,3% so với năm 2013, chủ yếu do nhu cầu của thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước đều tăng cao. Một số địa phương có sản lượng gỗ khai thác tăng nhiều so với năm trước: Quảng Nam tăng 51%; Quảng Ngãi

tăng 49,5%; Thừa Thiên Huế tăng 31,2%; Quảng Ninh tăng 23,3%; Bình Định tăng 19,6%; Quảng Trị tăng 11%. Tại một số địa phương, nhiều nhà máy sản xuất sản phẩm từ gỗ đang thực hiện cơ chế liên doanh, liên kết với các hộ gia đình để trồng rừng đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu nhằm bao tiêu sản phẩm.

Về Thủy sản, Sản lượng năm 2014 ước tính đạt 6332,5 nghìn tấn, tăng 5,2% so với năm trước, trong đó cá đạt 4571 nghìn tấn, tăng 4,5%; tôm đạt 790,5 nghìn tấn, tăng 9,3%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm ước tính đạt 3413,3 nghìn tấn, tăng 6,1% so với năm trước, trong đó cá 2449,1 nghìn tấn, tăng 4,1%; tôm 631,5 nghìn tấn, tăng 12,7%. Sản lượng tôm nuôi tăng mạnh chủ yếu do nhiều địa phương thực hiện chuyển đổi phần lớn diện tích nuôi tôm sú sang nuôi tôm thẻ chân trắng, đồng thời tăng diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh, giảm dần diện tích nuôi quảng canh. So với năm trước, diện tích thu hoạch tôm sú giảm 19 nghìn ha, diện tích thu hoạch tôm thẻ

chân trắng tăng 28 nghìn ha. Sản lượng tôm thẻ chân trắng tăng mạnh, ước tính đạt 349 nghìn tấn, tăng 36,3% so với năm trước, trong khi sản lượng tôm sú thu hoạch trong năm đạt 252 nghìn tấn, giảm 8,7% so với năm 2013. Nuôi cá tra tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng diện tích thả nuôi ở khu vực doanh nghiệp và giảm diện tích thả nuôi ở khu vực hộ gia đình. Sản xuất cá tra có dấu hiệu được cải thiện khi giá cá tra tăng so với năm 2013, diện tích thả nuôi đang dần trở lại ổn định. Sản lượng cá tra năm nay ước tính đạt 1158,3 nghìn tấn, giảm 3,1% so với năm trước.

Bốn, về xuất khẩu hàng hóa, tính chung cả năm 2014, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 48,4 tỷ USD, tăng 10,4%, mức tăng cao nhất từ năm 2012 và đóng góp 3,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 101,6 tỷ USD (gồm cả dầu thô), tăng 15,2%, đóng góp 10,1 điểm phần trăm và đạt 94,4 tỷ USD (không kể dầu thô), tăng 16,7%. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2014 tăng 9,1%. Các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực vẫn thuộc về khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện chiếm 99,6% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; hàng dệt, may chiếm 59,4%; giày dép chiếm 77%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 89,7%; điện tử, máy tính và linh kiện chiếm 98,8%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm nay, tỷ trọng nhóm

hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đạt 66,5 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2013, chiếm 44,3% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu với mặt hàng điện thoại và linh kiện ước đạt 24,1 tỷ USD, tăng 13,4% và chiếm 16,1%. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ đạt 57,9 tỷ USD, tăng 15,9% và chiếm 38,6%. Hàng nông sản, lâm sản ước 17,8 tỷ USD, tăng 11,4% và chiếm 11,9%. Hàng thủy sản đạt 7,9 tỷ USD, tăng 17,6%, chiếm 5,2%.

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu năm 2014, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của VN với kim ngạch ước tính đạt 28,5 tỷ USD, tăng 19,6% so với năm 2013, trong đó tốc độ tăng kim ngạch một số mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn là: Hàng dệt, may tăng 13,9%; giày dép tăng 26,1%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 12,8%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 45%. Thị trường tiếp theo là EU với 27,9 tỷ USD, tăng 14,7%, trong đó giày dép tăng 24,1%; hàng dệt, may tăng 22,7%. ASEAN ước tính đạt 19 tỷ USD, tăng 3,1%, trong đó dầu thô tăng 15,8%; thủy sản tăng 17,8%; máy móc, thiết bị, phụ tùng tăng 16,8%. Trung Quốc ước tính đạt 14,8 tỷ USD, tăng 11,8% với dầu thô tăng 76,9%; xơ, sợi dệt các loại tăng 40,3%. Nhật đạt 14,7 tỷ USD, tăng 8%, trong đó hàng dệt, may tăng 9,3%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 11,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 19,7%. Hàn Quốc đạt 7,8 tỷ USD, tăng 18,1% với thủy sản tăng 33,9%; hàng dệt, may tăng 30%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 56,7%.

Năm, về nhập khẩu hàng hóa,

năm 2014, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 148 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 84,5 tỷ USD, tăng 13,6%; khu vực kinh tế trong nước đạt 63,5 tỷ USD, tăng 10,2%. Kim ngạch nhập khẩu trong năm của một số mặt hàng phục vụ sản xuất tăng cao so với năm trước: Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 22,5 tỷ USD, tăng 20,2%; vải đạt 9,5 tỷ USD, tăng 14%; xăng dầu đạt 7,6 tỷ USD, tăng 9,3%; chất dẻo đạt 6,3 tỷ USD, tăng 10,9%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 4,7 tỷ USD, tăng 25,6%; hóa chất đạt 3,3 tỷ USD, tăng 9,5%; bông đạt 1,4 tỷ USD, tăng 22,7%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tăng so với năm 2013: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 18,8 tỷ USD, tăng 6%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 8,6 tỷ USD, tăng 6,7%; ô tô đạt 3,7 tỷ USD, tăng 53,1%, trong đó ô tô nguyên chiếc đạt 1,6 tỷ USD, tăng 117,3%.

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu năm nay, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 135 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm 2013. Đây vẫn là nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 91,2%, trong đó nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận tải, phụ tùng đạt 55,6 tỷ USD, tăng 10,1% và chiếm 37,6%; nhóm hàng nguyên, nhiên vật liệu đạt 79,4 tỷ USD, tăng 14,3% và chiếm 53,6%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 13,1 tỷ USD, tăng 9,3% và chiếm tỷ trọng 8,8%.

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu trong năm, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất

của VN với kim ngạch ước tính đạt 43,7 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm 2013. Một số mặt hàng nhập khẩu từ thị trường này đạt mức tăng cao: Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 19,7%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 9,5%; vải các loại tăng 20,7%. Nhập siêu cả năm từ Trung Quốc ước tính đạt 28,9 tỷ USD, tăng 21,8% so với năm trước, ASEAN ước tính đạt 23,1 tỷ USD, tăng 8,2% với xăng dầu các loại tăng 21,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 13,7%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 57,7%. Hàn Quốc đạt 21,7 tỷ USD, tăng 4,9%, trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 9,5%; vải các loại tăng 6,9%. Nhật đạt 12,7 tỷ USD, tăng 9,4%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 3,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 23,6%. Thị trường EU đạt 8,9 tỷ USD, giảm 5,9% với phương tiện vận tải và phụ tùng giảm 58,7%; sữa và sản phẩm sữa giảm 17,2%.

Mặc dù mức xuất siêu 2 tỷ USD của năm 2014 là mức cao nhất kể từ năm 2012, góp phần ổn định tỷ giá và cung cầu ngoại tệ trên thị trường nhưng hiệu quả mang lại cho nền kinh tế từ xuất, nhập khẩu hàng hóa chưa cao. Điều này thể hiện rõ qua giá trị gia tăng hàng xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thấp với chủ yếu là hàng gia công, chế biến; trong khi khu vực trong nước vẫn nhập siêu mạnh, chứng tỏ sự phụ thuộc vào thị trường nước ngoài của sản xuất và tiêu dùng trong nước, chưa vươn lên để gia tăng tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm.

Sáu, về xây dựng và đầu tư,

giá trị sản xuất xây dựng năm 2014 theo giá hiện hành ước tính đạt 849 nghìn tỷ đồng, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 84,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,9%; khu vực ngoài Nhà nước 709,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 83,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 54,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 6,5%. Trong tổng giá trị sản xuất, giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở đạt 354,8 nghìn tỷ đồng; công trình nhà không để ở đạt 136,7 nghìn tỷ đồng; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 257,3 nghìn tỷ đồng; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 100,2 nghìn tỷ đồng.

Mặc dù đạt được một số kết quả nhất định nhưng hoạt động xây dựng trong năm vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Thị trường bất động sản tuy đã có dấu hiệu tích cực song sự phục hồi chậm. Tình trạng nợ đọng khối lượng từ những năm trước của các doanh nghiệp xây dựng chưa có hướng giải quyết triệt để. Bên cạnh đó, mặc dù lãi suất cho vay gần đây đã được điều chỉnh giảm nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận vốn nên sản xuất kinh doanh chưa thực sự phát triển mạnh, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bây, đầu tư phát triển, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện năm 2014 theo giá hiện hành ước tính đạt 1220,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2013 và bằng 31% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 486,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 39,9% tổng vốn và tăng 10,1% so với năm trước; vốn khu vực ngoài Nhà nước đạt 468,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 38,4% và tăng 13,6%; vốn khu vực có vốn đầu

tư trực tiếp nước ngoài đạt 265,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 21,7% và tăng 10,5%. Vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện năm 2014 ước tính đạt 207,7 nghìn tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch năm và tăng 0,3% so với năm 2013, trong đó:

- Vốn trung ương quản lý đạt 41851 tỷ đồng, bằng 105,9% kế hoạch năm và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Giao thông Vận tải là 5609 tỷ đồng, bằng 123,8% và giảm 11,4%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 3507 tỷ đồng, bằng 101% và giảm 8,4%; Bộ Xây dựng 2076 tỷ đồng, bằng 101,9% và tăng 4,5%; Bộ Y tế 930 tỷ đồng, bằng 115,5% và tăng 7,5%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 740 tỷ đồng, bằng 100,2% và tăng 8,8%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 630 tỷ đồng, bằng 100,8% và giảm 7,4%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 481 tỷ đồng, bằng 106,3% và giảm 3,2%; Bộ Công Thương 317 tỷ đồng, bằng 107,2% và giảm 6,1%; Bộ Khoa học và Công nghệ 285 tỷ đồng, bằng 101,6% và tăng 16,3%; Bộ Thông tin và Truyền thông 249 tỷ đồng, bằng 119,9% và giảm 6%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 165852 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm và tăng 0,2% so với năm 2013. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 114905 tỷ đồng, bằng 97,2% và giảm 0,4%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 40861 tỷ đồng, bằng 108,6% và tăng 2,5%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 10085 tỷ đồng, bằng 120,5% và giảm 2,1%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước của một số tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 23931 tỷ đồng, bằng 102,1% kế hoạch năm và giảm 8,1% so với năm trước; thành phố Hồ Chí Minh 18160 tỷ đồng, bằng 91,4% và tăng 4,6%; Đà Nẵng 4989 tỷ đồng, bằng 97,8% và giảm 7%; Bình Dương 4439 tỷ đồng, bằng 99,4% và tăng 14,2%; Nghệ An 4245 tỷ đồng, bằng 92% và tăng 7,5%; Quảng Ninh 4087 tỷ đồng, bằng 98,3% và tăng 9%; Bà Rịa - Vũng Tàu 3921 tỷ đồng, bằng 87,2% và tăng 5,4%.

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, có dấu hiệu khả quan so với năm 2013, cơ cấu vốn diễn ra theo xu hướng tích cực. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chế biến chế tạo, thiết bị điện tử vẫn là các lĩnh vực hấp dẫn. Tiếp đến là lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực xây dựng. Tính đến ngày 15/12/2014, đầu tư trực tiếp của nước ngoài thu hút 1588 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 15642,6 triệu USD, tăng 24,5% về số dự án và tăng 9,6% về số vốn so với cùng kỳ năm 2013. Đồng thời có 594 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước được cấp vốn bổ sung với 4588,3 triệu USD. Như vậy tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 20230,9 triệu USD, tuy giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng cao hơn 19% so với kế hoạch. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2014 ước tính đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm trước và cao hơn 2,9% so với kế hoạch năm 2014. Trong số 57 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư cấp mới tại VN năm 2014, Hàn Quốc vẫn là nhà đầu tư lớn

nhất với 6128 triệu USD, chiếm 39,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) với 2803,4 triệu USD, chiếm 17,9%; Xin-ga-po 2310,1 triệu USD, chiếm 14,8%; Nhật 1209,8 triệu USD, chiếm 7,7%; Đài Loan 512,4 triệu USD, chiếm 3,3%; Quần đảo Virgin thuộc Anh 398,5 triệu USD, chiếm 2,5%; Bỉ 277,2 triệu USD, chiếm 1,8%...

Tám, về hoạt động của doanh nghiệp, trong năm 2014, cả nước có 74842 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 432,2 nghìn tỷ đồng, giảm 2,7% về số doanh nghiệp và tăng 8,4% về số vốn đăng ký so với năm trước. Số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm đạt 5,8 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2013. Số lao động dự kiến được tạo việc làm của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm qua là 1091 nghìn người, tăng 2,8% so với năm trước. Như vậy, mặc dù vẫn chưa thực sự thoát khỏi bối cảnh khó khăn nhưng xét trên khía cạnh quy mô vốn, doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2014 đã tăng hơn so với năm 2013. Trong 12 tháng, cả nước có 15419 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2013.

Năm 2014, cả nước có 67.823 doanh nghiệp giải thể, hoặc đăng ký tạm ngừng hoạt động có thời hạn, hoặc ngừng hoạt động chờ đóng mã số doanh nghiệp hoặc không đăng ký, bao gồm 9501 doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục giải thể, giảm 3,2% so với năm trước, số lượng doanh nghiệp giải thể phần lớn là những doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ

đồng; 58322 doanh nghiệp khó khăn phải ngừng hoạt động, tăng 14,5% so với năm trước. Trong đó, 11723 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động có thời hạn; 46599 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ đóng mã số doanh nghiệp hoặc không đăng ký.

Chín, về giá cả thị trường, trong tháng 11/2014 so với tháng 10/2014, giá một số mặt hàng giảm như: muối ăn, thức ăn chăn nuôi hỗn hợp giảm, giá LPG, xăng dầu. Bên cạnh đó cũng có một số mặt hàng vẫn giữ ổn định như: thực phẩm tươi sống, Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi, xi măng, thép xây dựng, giá thuốc. Các Bộ ngành, các địa phương đã tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, bình ổn thị trường giá cả; bảo đảm nguồn cung hàng hoá nói chung, hàng hóa thiết yếu (lương thực, thực phẩm...) góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội.

Mười, về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Tính chung cả năm 2014, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 2945,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2013, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,3%, cao hơn mức tăng 5,5% của năm 2013. Trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm nay, khu vực kinh tế Nhà nước đạt 299,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,2% tổng số và tăng 9,6% so với năm 2013; kinh tế ngoài Nhà nước đạt 2547,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 86,5%, tăng 10,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 97,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,3%, tăng 16,9%. Tính chung cả năm 2014, doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống và du lịch đạt 381,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với năm

trước. Ước tính năm 2014, doanh thu dịch vụ khác đạt 347, 3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% so với năm trước, trong đó Hà Nội đạt 72,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% (Dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 10,7%; dịch vụ phục vụ cá nhân và cộng đồng tăng 12,5%); thành phố Hồ Chí Minh đạt 117, 9 nghìn tỷ đồng, tăng 17,8% (Tăng mạnh ở ngành kinh doanh bất động sản với mức tăng 26,9%; những ngành khác tăng khoảng từ 3- 5%).

2. Dự báo nền kinh tế thế giới năm 2015, tác động đến tăng trưởng kinh tế VN

Theo ông Nariman Behraves, chuyên gia kinh tế trưởng thuộc hãng nghiên cứu IHS đánh giá. IHS dự báo kinh tế toàn cầu như sau:

Nền kinh tế Mỹ sẽ tăng tốc. Nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh hơn các nền kinh tế hàng đầu thế giới khác nhờ nhu cầu thị trường nội địa mạnh lên, đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng.

Nền kinh tế khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) sẽ tiếp tục chật vật. Tuy vậy, sự kết hợp giữa giá dầu giảm sâu, đồng Euro yếu, những thách thức về tài khóa giảm bớt, sức ép từ nợ nước ngoài nhẹ đi, và chính sách tiền tệ nới lỏng sẽ giúp kích thích tăng trưởng kinh tế ở khu vực này. Theo IHS, kinh tế Eurozone sẽ tăng tốc nhẹ, đạt mức tăng 1,4% trong năm 2015 từ mức tăng 0,8% dự kiến đạt được trong năm nay.

Kinh tế Nhật sẽ thoát suy thoái. Sau khi trải qua cuộc suy thoái lần thứ 4 trong 6 năm, nền kinh tế nhật sẽ tăng trưởng trở lại trong năm 2015, với mức tăng dự báo sẽ là khoảng 1%. Chính sách nới lỏng của Ngân hàng Trung ương

Nhật (BOJ) và gói kích thích không lồ của Chính phủ Nhật, cùng với giá năng lượng thấp, sẽ là những yếu tố đưa nền kinh tế lớn thứ ba thế giới trở lại với tăng trưởng.

Kinh tế Trung Quốc sẽ tiếp tục giảm tốc. Sự hỗ trợ tiếp theo từ chính sách tiền tệ và tài khóa sẽ không đủ để ngăn tăng trưởng kinh tế Trung Quốc tiếp tục giảm tốc còn 6,5% trong năm tới - theo IHS. Mức tăng này là yếu theo “chuẩn” của Trung Quốc, nhưng vẫn là niềm mơ ước của tất cả các nền kinh tế lớn khác trên thế giới.

Các nền kinh tế mới nổi sẽ có sự phân hóa về tăng trưởng. Hầu hết các nền kinh tế mới nổi sẽ đạt được mức tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2015 nhờ giá dầu giảm, thanh khoản toàn cầu tăng, và sự tăng tốc của nền kinh tế Mỹ và châu Âu. Các nền kinh tế mới nổi ở châu Âu, Mỹ Latin, Trung Đông, Bắc Phi, khu vực tiểu sa mạc Sahara sẽ đạt có sự tăng tốc mạnh nhất trong nhóm này.

Giá hàng hóa cơ bản sẽ tiếp tục xuống dốc. Giá dầu thô thế giới đã giảm khoảng 40% từ mùa hè năm nay do nhu cầu tiêu thụ toàn cầu yếu đi giữa lúc nguồn cung dầu tăng mạnh. Trung Quốc vẫn là nhân tố quan trọng nhất trong vấn đề nhu cầu tiêu thụ dầu. Theo IHS, sự giảm tốc của kinh tế Trung Quốc có thể sẽ đồng nghĩa với một đợt giảm giá nữa của dầu trong năm 2015. Hãng phân tích này dự báo giá cả của các loại hàng hóa cơ bản, trong đó có dầu thô, sẽ giảm bình quân 10% trong năm tới.

Nguy cơ giảm phát. Trong bối cảnh giá hàng hóa cơ bản tụt dốc và tăng trưởng toàn cầu yếu

ớt, các yếu tố giảm phát đang xuất hiện mạnh nhất ở các nền kinh tế phát triển. Ngoại lệ của giảm phát đang là các nền kinh tế mới nổi như Nga. Nền kinh tế xứ bạch dương đang chứng kiến tỷ giá đồng nội tệ sụt chóng mặt kéo theo lạm phát tăng vọt.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ là ngân hàng trung ương lớn đầu tiên tăng lãi suất. FED, Ngân hàng Trung ương Anh (BOE), và Ngân hàng Trung ương Canada (BOC) được IHS dự báo sẽ bắt đầu tăng lãi suất trở lại trong năm 2015, tương ứng vào tháng 6, 8 và 10, ngoại trừ trường hợp có sự giảm mạnh trong tốc độ lạm phát. Ngược lại, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), BOJ, và Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PboC) được nhận định sẽ hạ thêm lãi suất và/hoặc bơm thêm thanh khoản vào thị trường thông qua việc mua tài sản cùng với các công cụ khác.

Đồng USD sẽ tiếp tục là “vua”. Đồng USD sẽ tiếp tục mạnh lên nhờ triển vọng tăng trưởng khả quan của nền kinh tế Mỹ và kỳ vọng FED tăng lãi suất. Trong khi đó, khả năng ECB và BOJ tăng cường bơm thanh khoản vào thị trường đồng nghĩa với việc cả đồng Euro và đồng Yên sẽ tiếp tục xuống giá trong năm 2015. IHS cho rằng, tỷ giá Euro/USD sẽ giảm về ngưỡng 1,15-1,2 USD/Euro trước mùa thu năm 2015, còn USD/Yên sẽ giao dịch trong khoảng 120-125 Yên/USD trong năm tới.

Nền kinh tế toàn cầu đã phải đối mặt với nợ công và nợ của khu vực kinh tế của khu vực tư nhân ở mức cao, kéo theo quá trình giảm nợ (deleveraging) của các hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ. Tuy

vậy, theo IHS, sang năm 2015, những yếu tố cản trở tăng trưởng này sẽ giảm xuống ở một số quốc gia, nhất là Mỹ và Anh, vì vậy, các nền kinh tế này sẽ tăng trưởng khả quan hơn.

Liên Hiệp Quốc công bố báo cáo về tình hình và triển vọng kinh tế 2015 cho thấy, kinh tế toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng trưởng trong hai năm tới bất chấp những tàn dư từ cuộc khủng hoảng tài chính, thách thức địa chính trị toàn cầu và đại dịch Ebola ở Tây Phi kìm hãm đà tăng trưởng. Kinh tế toàn cầu được dự báo tăng trưởng 3,1% trong năm 2015 và tăng lên 3,3% trong Hai, năm 2016.

Dự báo giá dầu thế giới trong năm 2015 giảm 33%, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và không ít bất trắc; và giá dầu giảm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách và khả năng đáp ứng vốn cho đầu tư phát triển; giá hàng hóa thế giới giảm, trong khi tốc độ tăng xuất khẩu đang có xu hướng giảm nhanh, nhất là khu vực nước ngoài.

Thế giới sẽ vẫn đối diện với nhiều thách thức và lúng túng về tái cấu trúc và tìm kiếm mô hình, động lực tăng trưởng mới, theo đó tình trạng thất nghiệp cao kéo dài và áp lực gia tăng nợ công bởi những căng thẳng và tranh chấp quân sự, biên giới, lãnh hải và chính trị song phương hoặc đa phương trên khắp thế giới.

Như vậy, kinh tế thế giới mặc dù phục hồi nhưng chậm và còn không ít bất trắc, nhất là trong điều kiện không thể dự báo được những thay đổi về quân sự, chính trị trên thế giới và các khu vực. Giá hàng hóa thế giới được dự báo giảm không chỉ trong năm 2015 mà thậm chí ở những năm tiếp theo phần nào sẽ ảnh hưởng đến xuất

khẩu của VN.

3. Những điểm mạnh và yếu tác động đến tăng trưởng nền kinh tế VN trong năm 2015

3.1. Những điểm mạnh:

Một, năm 2015, chúng ta sẽ triển khai nhiều hiệp định tự do thương mại. Hiệp định thương mại tự do song phương VN- Hàn Quốc sẽ được ký trong khoảng đầu năm 2015. Đây là Hiệp định không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hợp tác thương mại song phương hướng tới mục tiêu kim ngạch 70 tỷ USD vào năm 2020, mà còn góp phần thúc đẩy toàn diện quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược VN - Hàn Quốc lên tầm cao mới. Chúng ta đang đồng thời tham gia đàm phán các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có tiêu chuẩn cao với sự tham gia của các cường quốc, các khối kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, EU, Nga, Nhật, Úc... Đại diện Chính phủ VN và Chính phủ Hàn Quốc đã ký Biên bản thoả thuận về kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại tự do VN - Hàn Quốc, VN và Liên minh thuế quan Nga – Kazakhstan – Belarus cũng đã hoàn tất quá trình đàm phán FTA. Năm 2015, VN cũng sẽ chính thức tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN. Sự hội nhập quốc tế này sẽ tạo cơ hội, tạo ra động lực quan trọng đối với tăng trưởng thương mại và đầu tư, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế của VN.

Hai, năm 2015, chúng ta sẽ có nhiều bộ luật, đạo luật liên quan đến môi trường đầu tư và kinh doanh được ban hành và có hiệu lực như Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Đầu tư sửa đổi, Luật



Quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và một loạt các luật khác; Tất cả các bộ luật này tiếp cận theo hướng tích cực, hiện đại tạo ra môi trường kinh doanh thông thoáng. Cộng với cái mà Chính phủ đã và đang làm là cam kết đưa mức môi trường đầu tư kinh doanh của ta xuống mức bình quân của Asean 6, nhất là trong các lĩnh vực về thuế, hải quan, tiếp cận điện lực, đất đai...

Ba, tổng cầu sẽ hồi phục trong năm 2015 do những nguyên nhân sau: Tiêu dùng phục hồi nhờ lạm phát thấp trong năm 2014 sẽ giúp cải thiện sức mua của dân chúng; Đầu tư tư nhân cải thiện do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với những cải cách thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp và hộ gia đình. Ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì trong những năm gần đây sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp trong năm 2015, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Đồng thời những giải pháp chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm lãi suất trong thời gian qua sẽ giúp giảm chi phí sản xuất cũng

như chi phí tài chính cho doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sinh lời của doanh nghiệp để có động lực mở rộng sản xuất trong năm 2015; Tổng cung cũng được cải thiện nhờ quá trình tái cơ cấu dần phát huy tác dụng đối với năng suất của nền kinh tế; Hơn nữa, giá hàng hóa thế giới tiếp tục giảm sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp cắt giảm chi phí sản xuất, thúc đẩy tổng cung trong nước. Trên cơ sở tính toán ở trên của UBGSTCQG về tỷ trọng của xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu trong tổng giá trị công nghiệp, với dự báo giá dầu thế giới trong năm 2015 giảm 33%²⁰ và giả định giá xăng dầu trong nước giảm tương ứng thì giá thành sản phẩm sản xuất trong nước sẽ giảm 3%.

Bốn, lạm phát sẽ không có biến động lớn do tổng cầu trong năm 2015 mặc dù cải thiện so với năm 2014 nhưng ở mức độ vừa phải và không gây áp lực lên lạm phát. Trong khi đó, giá hàng hóa thế giới được dự báo sẽ giảm trong năm 2015, tạo điều kiện cắt giảm chi phí sản xuất và không tạo ra yếu tố lạm phát chi phí đẩy. Đồng thời, lạm phát tâm lý sẽ tiếp tục ổn định nhờ ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2014. Do đó, lạm phát trong năm

2015 phụ thuộc chủ yếu vào chính sách quản lý giá các mặt hàng cơ bản. UBGSTCQG

Ba, dự báo lạm phát cơ bản (không tính đến giá lương thực, thực phẩm, giá hàng hóa cơ bản và dịch vụ công) trong năm 2015 ở khoảng 3%.

Năm, Cán cân thanh toán dự báo vẫn duy trì thặng dư. Mặc dù nhập khẩu có thể gia tăng do kinh tế phục hồi nhưng ổn định vĩ mô, nỗ lực cải cách thể chế và hội nhập kinh tế quốc tế sẽ là nền tảng duy trì sự ổn định của FDI, kiều hối, ODA và FII. Cán cân thanh toán thặng dư tạo điều kiện cho chính sách tỷ giá.

3.2. Những khó khăn, hạn chế:

Một, giá dầu giảm ảnh hưởng đến thu ngân sách và cân đối ngân sách. Theo UBGSTCQG, với dự báo giá dầu thanh toán trung bình năm 2015 là 60USD/thùng (Dự báo của Cơ quan thông tin năng lượng Mỹ (EIA) giá dầu WTI trung bình năm 2015 là 62,5 USD/thùng), thì thu ngân sách từ xuất khẩu dầu thô sẽ hụt 37 nghìn tỷ đồng so với dự toán (tương đương với 4% tổng thu NSNN), và giảm 47% so với ước thực hiện của năm 2014. Bên cạnh đó, giá định các mức thuế nhập khẩu và phí xăng dầu giữ nguyên như đầu năm 2014, thì với giá dầu như trên, thu ngân sách sẽ hụt thêm khoảng 6.000 tỷ đồng (hiện tại, thu ngân sách từ thuế nhập khẩu xăng dầu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT và phí xăng dầu hiện khoảng 13.000 tỷ đồng/năm). Do vậy, tổng mức hụt thu ngân sách nhà nước từ xuất khẩu dầu và thuế, phí nhập khẩu dầu vào khoảng 43.000 tỷ đồng, bằng 4,6% tổng thu NSNN năm 2015.

Hai, Hệ thống ngân hàng vẫn đối diện với áp lực giảm nợ xấu

và sở hữu chéo, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn hóa các chỉ tiêu hoạt động theo chuẩn chung quốc tế và cam kết hội nhập. Các hoạt động M&A sẽ gia tăng, nhất là trong lĩnh vực bất động sản, sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, ngân hàng và cả dệt may, chế tạo cơ khí...

Ba, một số yếu tố có thể tạo áp lực lên tỷ giá: lãi suất USD trên thị trường thế giới tăng sẽ giảm cơ hội duy trì mức chênh lệch cao giữa lãi suất đồng nội tệ và ngoại tệ trong nước. USD nhiều khả năng tiếp tục đà tăng giá so với ngoại tệ khác kéo theo VND lên giá so với ngoại tệ khác, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng hóa VN.

Bốn, những ngành còn khó khăn sẽ liên quan nhiều đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản cao cấp; cơ khí chế tạo, các doanh nghiệp (DN) vừa và nhỏ có cơ cấu sản phẩm và trình độ công nghệ lạc hậu; các DN nhà nước trì trệ, chậm đổi mới mô hình tổ chức và trang thiết bị, công nghệ và cả năng lực quản trị.

4. Dự báo tăng trưởng kinh tế VN năm 2015

Một, năm 2015, về tổng thể, trong trung hạn, theo nhận định của nhiều chuyên gia, tăng trưởng GDP của VN sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn và trạng thái ổn định kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục được củng cố. VN sẽ đạt tăng trưởng GDP từ 5,8 đến 6,2 %; CPI cả năm dưới 7% và các ngành kinh tế xuất khẩu sẽ có nhiều bứt phá quan trọng do nhận được nhiều xung lực phát triển tích cực mới từ những FTA mà VN đang và sẽ tham gia, tiêu biểu là cộng đồng kinh tế ASEAN, TPP, FTD VN - Hàn Quốc và VN - Liên minh hải quan Nga - Belarut - Kazakhstan...

Hai, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 được Quốc hội thông qua, đã đặt mục tiêu tăng trưởng 6,2% GDP. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; nhập siêu khoảng 5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm 30-32% GDP; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,7-2%, riêng các huyện nghèo giảm 4%; tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%; tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 15%.

Ba, Kinh tế VN năm 2015 sẽ có biến vững chắc hơn năm 2014; trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Cải cách trong khu vực DN nhà nước sẽ được đẩy nhanh hơn để đạt chỉ tiêu đề ra.

Bốn, các ngành du lịch, nông nghiệp, thủy, hải sản sẽ tiếp tục tăng trưởng thuận lợi. Xuất khẩu lao động, cả lao động giản đơn và lao động có trình độ chuyên môn, trong đó có bác sĩ, điều dưỡng viên trung cấp sẽ là một trong các trọng tâm tạo đột phá mới cho tăng trưởng việc làm. Ngành công nghiệp phụ trợ từng bước được định hình và phát triển theo hướng tham gia chuỗi cung ứng quốc tế với các thành viên tham gia FTA với VN.

Những ngành nghề dự báo sẽ tăng trưởng mạnh từ năm 2015 là bất động sản, vật liệu và dịch vụ xây dựng, dịch vụ tiêu dùng, hàng tiêu dùng, nông - lâm sản. Đầu tư vào quỹ mở đang là một lựa chọn thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư tư nhân.

Đặc biệt, một chu kỳ mới của

thị trường bất động sản đang hình thành, ngày càng tăng trưởng về quy mô, tốc độ, cân bằng và hiệu quả hơn vào những năm cuối thập kỷ này, với triển vọng nhất là phân khúc nhà ở xã hội có diện tích và giá cả vừa phải, bảo đảm chất lượng.

Năm, giá xăng dầu giảm trong năm 2015 là cơ hội thuận lợi cho doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, giảm chi phí đầu vào, thúc đẩy sản xuất. Để doanh nghiệp tận dụng cơ hội này chính sách thuế nhập khẩu, phí nhập khẩu xăng dầu cần đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu bảo đảm nguồn thu ngân sách và mục tiêu tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, chính sách quản lý giá cần biện pháp đối với các doanh nghiệp sử dụng nhiều nhiên liệu đầu vào phải điều chỉnh giá bán thích hợp để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm giá thành.

5. Hàm ý về giải pháp để tăng trưởng năm 2015

Một, cần có các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa sản xuất trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu, quản lý nhập khẩu. Bên cạnh thúc đẩy xuất khẩu cũng cần khuyến khích tiêu dùng trong nước thông qua phát triển hệ thống phân phối, đẩy mạnh cho vay tiêu dùng, hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

Hai, tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh để tăng thêm cơ hội cho các doanh nghiệp, nhất là việc triển khai có hiệu quả các Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi). Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Ba, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh

tế, nhất là tái cơ cấu DNNN, thị trường tài chính; có biện pháp nâng cao năng suất chung của nền kinh tế. Bên cạnh việc tiếp tục tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế, thực hiện ba khâu đột phá chiến lược, thì cần phải thực hiện tái cơ cấu cả từng ngành, từng doanh nghiệp.

Bốn, đẩy nhanh cải cách khu vực ngân hàng vẫn tiếp tục là một ưu tiên. Lãi suất huy động ngân hàng khó giảm thêm, nhưng tăng trưởng tín dụng sẽ nhanh hơn do cơ hội đầu tư và cả điều kiện tín dụng sẽ mở hơn, nhờ đó tạo thêm lực đẩy hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nợ xấu được kiểm soát và từng bước xử lý linh hoạt, trong mục tiêu bảo đảm ổn định hệ thống và từng bước tiếp cận các chuẩn mực và thông lệ chung.

Năm, cần thực hiện có hiệu quả các đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm của doanh nghiệp và sức cạnh tranh của nền kinh tế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước. Đặc biệt là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, bảo đảm nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn an toàn.

Sáu, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là các nguồn vốn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, ODA, tập trung vốn đầu tư cho các công trình quan trọng có khả năng hoàn thành trong năm 2015. Ưu tiên kinh phí cho các dự án cấp bách, ổn định dân cư và tạo sinh kế thuận lợi hơn cho người dân.

Bảy, thực hiện có hiệu quả các điều ước quốc tế mà VN là thành viên; tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do song

phương, đa phương, xây dựng cộng đồng ASEAN năm 2015; đồng thời đẩy mạnh thông tin truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ phù hợp để DN, người dân chủ động hơn trong quá trình hội nhập.

Tiểu kết: năm 2015, triển vọng tích cực về kinh tế VN sẽ đậm nét và được hiện thực hóa cùng với sự thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh tái cơ cấu gắn với đổi mới mô hình phát triển; nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước pháp quyền, bên cạnh việc đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, phát huy dân chủ. Lòng tin phản ánh hiệu lực, hiệu quả và góp phần vào sự thành công của chính sách quốc gia. Giữ vững, củng cố và khai thác động lực lòng tin ngày càng trở thành định hướng và nhiệm vụ thường xuyên, nhất quán, mạnh mẽ; đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho quá trình cải cách và phát triển đất nước và doanh nghiệp.

Bài viết này là sự tổng hợp dữ liệu của nhiều tổ chức về đánh giá kinh tế năm 2014 và triển vọng 2015 (xem tài liệu tham khảo), vì vậy không tránh khỏi các thiếu sót về tính sáng tạo, chất lượng bài viết, những vì sự cần thiết phải có bài viết tổng quan cho tham khảo, nghiên cứu, nên nó được ra đời. rất mong đọc giả bỏ qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục thống kê (2014) báo cáo sơ kết kinh tế VN năm 2014
2. Ủy ban giám sát tài chính tiền tệ Quốc Gia (2014) tình hình kinh tế năm 2014 và triển vọng năm 2015
3. Theo mo.gov.vn (29/12/2014), Tình hình tăng trưởng kinh tế, hoạt động của doanh nghiệp, giá cả thị trường, đầu tư phát triển năm 2014